

**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG NỘI THẤT VIDCO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG NỘI THẤT VIDCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108572228

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Licogi 13 Tower, Số 164 Khuất Duy Tiến , Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0329868826

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 7.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330(Chính) |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp (Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>- Thiết kế nội, ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan (Điểm b, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>- Thiết kế kiến trúc công trình (Điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP);                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7110 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28, Luật Thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4229 |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4291 |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4292 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299 |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su... | 4752 |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 079173007330

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 24/8, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 24/8, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 15/09/1973      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 079173007330

Ngày cấp: 09/04/2018      Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 24/8, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 24/8, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội